

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2023

V/v: Ly hôn giữa

Anh C và chị D

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Anh Thơ

2. Ông Tống Xuân Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn D Lân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 2, xã Hòa Bình, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị D (Thảo), sinh năm 1991

ĐKNKTT: Thôn 6, xã Hòa Bình, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(Anh C có mặt, chị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị D (Thảo) kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Bình, huyện Hưng Hà vào ngày 14/11/2014, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên hay va chạm cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, do mâu thuẫn không khắc phục được nên anh đề nghị được ly hôn với chị D (Thảo). Về con chung: Anh và chị D (Thảo) có 01 con chung là Phạm Như D, sinh ngày 26/8/2015, ly hôn anh

nhận nuôi con và không yêu cầu chị D (Thảo) cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/3/2023, ông Trần Xuân Thọ (bố đẻ chị Trần Thị D) trình bày: Gia đình ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập chị D (Thảo) đến Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà để giải quyết ly hôn với anh C, gia đình ông đã thông báo cho chị D (Thảo) được biết, chị D (Thảo) hiện nay đang làm việc tại tỉnh Bắc Ninh nhưng không có địa chỉ cụ thể, do công việc bận nên không đến Tòa án để làm việc, chị D (Thảo) có trao đổi quan điểm của mình như sau. Về hôn nhân: Chị D (Thảo) và anh C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Bình, huyện Hưng Hà vào tháng 11/2014, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không có lập trường, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng lạnh nhạt tình cảm, luôn va chạm, cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, chị không muốn vợ chồng ly hôn vì không muốn con thiếu thốn tình cảm, nếu anh C kiên quyết ly hôn thì chị cũng chấp nhận ly hôn. Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Phạm Như D, sinh ngày 26/8/2015, ly hôn chị xin nhận nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 2.000.000 đồng, nếu anh C cương quyết xin nuôi con thì chị cũng nhất trí để anh C nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh C. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự C theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn C được ly hôn chị Trần Thị D (Thảo); Về nuôi con chung: Giao con Phạm Như D, sinh ngày 26/8/2015 cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị D (Thảo) không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh C, chị D (Thảo) có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị D (Thảo). Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Ly hôn và nuôi con chung”. Bị đơn là chị D (Thảo) có địa chỉ ở thôn Bồng Thôn, xã Hòa Bình, huyện Hưng Hà,

tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị D (Thảo) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng chị D (Thảo) không đến Tòa án tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị D (Thảo) theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Trần Thị D (Thảo) kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Bình, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 14-11-2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị D (Thảo) không muốn ly hôn nhưng nếu anh C kiên quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn; Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng anh C, chị D (Thảo) mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh C được ly hôn chị D (Thảo) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh C và chị D (Thảo) có 01 con chung là Phạm Như D, sinh ngày 26/8/2015, anh C có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị D (Thảo) cấp dưỡng nuôi con; chị D (Thảo) cũng có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 2.000.000 đồng, nếu anh C nhận nuôi con thì chị cũng đồng ý; chị D (Thảo) có nguyện vọng nuôi con nhưng không đến Tòa án làm việc, mặt khác con chung hiện nay sinh sống ổn định với anh C, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con Phạm Như D cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị D (Thảo) không phải cấp dưỡng nuôi con, chị D (Thảo) có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về chia tài sản chung: Anh C, chị D (Thảo) không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Từ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Văn C và chị Trần Thị D (Thảo).

2. Về nuôi con chung: Giao giao con Phạm Như D, sinh ngày 26/8/2015 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị D (Thảo) không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh C, chị D (Thảo) có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng anh C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004040 ngày 22-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà thành tiền án phí ly hôn (anh C đã nộp đủ tiền án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị D (Thảo) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Bình, huyện Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Trác